TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2026/DS - ST
Ngày: 21 - 7 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phượng

2. Ông Đỗ Văn Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLST - TCDS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2026/QĐXXST-TCDS ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2026/QĐST-TCDS ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn:

- Công ty Cổ phần C1*;*

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Chức vụ Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế D - Chuyên viên xử lý nợ.

- Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị V1;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như G - Trưởng phòng xử lý nợ KHDN MB3.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại toà án: Ông Trần Quang T1, sinh năm 1981 - Chuyên viên xử lý nợ.

* Bị đơn: Ông Lại Văn B, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn L (thôn G Y cũ), xã H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Ông D, ông T1 vắng mặt (có đơn xin vắng mặt); ông B, bà D2 vắng mặt không có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần C1 và Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngân hàng TMCP V (V) và ông Lại Văn B, bà Nguyễn Thị D2 đã ký kết (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay/Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng vay vốn, cụ thể theo (các) Hợp đồng như dưới đây:

Ngân hàng TMCP V (V) và và ông Lại Văn B, bà Nguyễn Thị D2 đã ký kết Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 với số tiền vay: 421,000,000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiên mua xe oto nhăn hiệu SUZUKI ERTIGA SPORT mới 100%. Trong quá trình vay, khách hàng đã trả 283,611,921 đồng, trong đó khách hàng đã trả gốc: 175,493,374 đồng, lãi: 108,118,547 đồng.

Ngân hàng TMCP V (V) và ông Lại Văn B, bà Nguyễn Thị D2 đã ký kết Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023 với số tiền vay: 100,000,000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng. Trong quá trình vay, khách hàng đã trả 51,765,915 đồng, trong đó khách hàng đã trả gốc: 28,806,910 đồng, lãi: 22,959,005 đồng.

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Ngày điều chính lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi

suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 36 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,6%/năm.

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Lại Văn B, bà Nguyễn Thị D2 đã thế chấp tài sản đảm bảo là: 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA SPORT, số khung MHYANC22SMJ910219, số máy K15BT1237206. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18A - 241.18 do Phòng C2 công an tỉnh N cấp ngày 16/04/2021, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị Diễm . Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/4/2025 nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 28/02/2025, V đồng ý bán và Công ty cổ phần C1(sau đây gọi tắt là "Công ty C1") đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V với ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2, cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 và Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023;

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty C1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M1.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện với bà Nguyễn Thị D2 đối với yêu cầu thanh toán khoản vay của Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023.

Tạm tính đến ngày 21/7/2026, ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 còn nợ Công ty C1 và V số tiền cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 còn nợ:

Công ty C1: 318.145.760 đồng (trong đó nợ gốc 220.599.963 đồng, nợ lãi 97.189.797 đồng).

Ngân hàng V: 35.349.529 đồng (trong đó nợ gốc 24.550.663 đồng, nợ lãi 10.798.866 đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2305201107 ngày 21/02/2023: ông Lại Văn B còn nợ Công ty C1 và V số tiền 126.471.110 đồng (trong đó nợ gốc 71.193.090 đồng, nợ lãi 55.278.020 đồng).

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng đã ký kết, nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

Rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị D2 thanh toán đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023.

Về nghĩa vụ trả nợ: Yêu cầu ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị Diễm T2 cho Công ty C1 và V số tiền cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 phải trả:

Công ty C1: 318.145.760 đồng (trong đó nợ gốc 220.599.963 đồng, nợ lãi 97.189.797 đồng).

Ngân hàng V: 35.349.529 đồng (trong đó nợ gốc 24.550.663 đồng, nợ lãi 10.798.866 đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2305201107 ngày 21/02/2023: ông Lại Văn B phải trả Công ty C1 và V số tiền 126.471.110 đồng (trong đó nợ gốc 71.193.090 đồng, nợ lãi 55.278.020 đồng).

Về lãi phát sinh: Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng cho đến khi Ông Lại Văn B và Bà Nguyễn Thị D2 thực tế thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Ông Lại Văn B và Bà Nguyễn Thị Diễm K thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, gồm:

01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA SPORT, số khung MHYANC22SMJ910219, số máy K15BT1237206. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18A-241.18 do Phòng C2 công an tỉnh N cấp ngày 16/04/2021, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị Diễm . Tất cả

các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ, JUPITER và V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xác minh, kê biên, xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Ông Lại Văn B và Bà Nguyễn Thị D2 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 vẫn ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác, không ký biên bản làm việc và không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản làm việc ngày 29/6/2026: Ông Lại Văn B trình bày bản thân có vay tiền của Ngân hàng V để mua ô tô; nhận nợ đối với hai hợp đồng vay là Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 và Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023; còn vợ mình là bà Nguyễn Thị D2 chỉ có trách nhiệm trả nợ đối với Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021. Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023 là cá nhân ông B vay online chứ bà D2 không biết, không liên quan gì. Ông B đã thỏa thuận với ngân hàng trong vòng hai tháng nữa sẽ mang xe đến trả nợ nên không ký vào biên bản làm việc với Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các 292, 295, 299, 317, 320, 322, 323, 357, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và công ty Cổ phần C1:

- Buộc ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 và Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2026 là 353.495.289 đồng (Trong đó, nợ gốc là 245.506.626 đồng, tổng nợ lãi và nợ lãi chậm trả là 107.988.663 đồng).

Ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty C1 và V1 theo quy định tại Hợp đồng cho

vay số LN2104093594116 ký ngày 22/4/2021. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp ông B, bà D2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì yêu cầu cho kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA SPORT, số khung MHYANC22SMJ910219, số máy K15BT1237206. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 18A – 241.18 do Phòng C2 công an tỉnh N cấp ngày 16/04/2021, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ thì buộc ông Trần Duy T3 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

- Chấp nhận yêu cầu của J và V đối với việc buộc ông B, phải thanh toán tiền nợ theo Theo Hợp đồng tín dụng số LD2305201107 ngày 21/02/2023 tạm tính đến 21/7/2026 là 126.471.110 đồng (trong đó nợ gốc 71.193.090 đồng, nợ lãi và chậm trả lãi là 55.278.020 đồng).

+ Buộc ông B phải thanh toán cho Công ty C1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2026 là 113.823.999 đồng gồm nợ gốc, nợ lãi và chậm trả lãi.

+ Buộc ông B phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2026 là 12.647.111 đồng gồm nợ gốc, nợ lãi và chậm trả lãi.

Ông Lại Văn B còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty C1 và V1 theo quy định tại Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ký ngày 21/02/2023. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Về án phí: Đề ngị áp dụng Điều 147, 157 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: đề nghị Tòa án tuyên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng nguyên đơn có đăng ký kinh doanh vì mục đích lợi nhuận. Bị đơn có nơi đăng kí hộ khẩu thường trú và cư trú tại thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình là tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về hình thức và nội dung các hợp đồng:

Theo (các) Hợp đồng cho vay ký giữa V với ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị Diễm . Ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 đã có quan hệ tín dụng với V, cụ thể theo các Hợp đồng như dưới đây: Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 do ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị Diễm C ký kết vay vốn Ngân hàng V với số tiền 421,000,000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiên mua xe oto nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA SPORT mới 100%; Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023 do cá nhân ông Lại Văn B thực hiện thủ tục vay online của Ngân hàng V với số tiền vay: 100,000,000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng và lãi suất theo thỏa thuận của các bên quy định trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản thỏa thuận mà các bên đã ký kết.

Xét thấy việc giao kết các hợp đồng này là tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy các hợp đồng này là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[3] Về việc thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V đã thực hiện đúng nghĩa vụ cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng. Việc này đã được các bên xác nhận và được chứng minh bằng các giấy nhận nợ, chứng từ giải ngân và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình vay vốn, ông B và bà D2 đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi và một phần nợ gốc cho các khoản vay tổng số tiền 51.765.915 đồng; Trong đó trả gốc là 28.806.910 đồng, trả lãi 22.959.005 đồng.

Tuy nhiên từ ngày 15/4/2025, ông B và bà D2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn như thỏa thuận đã ký trong các hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng V sau đó đã bán một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 và Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023. Do đó Công ty C1 có quyền khởi kiện đối với phần khoản nợ đã mua lại từ Ngân hàng V và yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy yêu cầu buộc ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 phải hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính 21/7/2026 là 353.495.289 *(Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi chín đồng)* đối với Hợp đồng số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 và buộc ông Lại Văn B phải hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính 21/7/2026 là 126.471.110 đồng *(một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm mười đồng)* đối với Hợp đồng số LD2305201107 ngày 21/02/2023 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về biện pháp bảo đảm:

Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104093594116 ngày 22/04/2021, để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021, ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 đã thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA SPORT, BKS: 18A-241.18 (Số khung: MHYANC22SMJ910219, Số máy: K15BT1237206; Đăng ký xe do Phòng CSGT Công an tỉnh N cấp ngày 16/04/2021 đứng tên ông Lại Văn B).

Hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Do đó, trường hợp ông B và bà D2 không thanh toán đầy đủ khoản nợ, Ngân hàng V và Công ty C1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ, ông B và bà D2 vẫn phải tiếp tục dùng các nguồn thu nhập khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán.

[6] Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị D2 thanh toán khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023: Hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng thể hiện bà D2 không liên quan đến khoản vay 100.000.000 đồng này. Bản thân ông Lại Văn B cũng thừa nhận đây là khoản vay online cá nhân để tiêu dùng và bà D2 hoàn toàn không biết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu và quyết định đình chỉ giải quyết nội dung này đối với bà Nguyễn Thị Diễm .

[7] Về chi phí xem xét thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn đã nộp đủ và có quan điểm chịu trách nhiệm chi phí tố tụng nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

+ Ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 17.674.764 *(Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bốn)* đồng đối với khoản nợ 353.495.289 đồng.

+ Ông Lại Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 6.323.555 (sáu triệu ba trăm hai ba nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng đối với khoản nợ 126.471.110 đồng.

+ Tổng hợp án phí dân sự sơ thẩm ông Lại Văn B phải nộp là 15.160.937 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng) và bà Nguyễn Thị D2 phải nộp là 8.837.382 (tám triệu tám trăm trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi hai đồng).

[8] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 292, 295, 299, 317, 320, 322, 323, 357, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024;

Căn cứ Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 3, điều 6, điều 13, điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C1 và Ngân hàng TMCP V (V).

- Buộc Ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần C1 số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/7/2026 là 353.495.289 *(Ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi chín đồng)*. Cụ thể:

Ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 phải trả cho Công ty Cổ phần C1: 318.145.760 đồng (trong đó nợ gốc 220.599.963 đồng, nợ lãi 97.189.797 đồng).

Ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V: 35.349.529 đồng (trong đó nợ gốc 24.550.663 đồng, nợ lãi 10.798.866 đồng).

Ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 tiếp tục phải trả lãi và lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 cho đến ngày ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 thanh toán hết nợ cho Công ty cổ phần C1 và Ngân hàng TMCP V (V);

Trong trường hợp ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị Diễm K thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty C1 và V, Công ty C1 và V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA SPORT, BKS: 18A-241.18 (Số khung: MHYANC22SMJ910219, Số máy: K15BT1237206; Đăng ký xe do Phòng CSGT Công an tỉnh N cấp ngày 16/04/2021 đứng tên ông Lại Văn B, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104093594116 ngày 22/04/2021 để để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì yêu cầu ông Lại Văn B và bà Nguyễn Thị D2 tiếp tục thu xếp mọi nguồn thu để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ tại Công ty C1 và Ngân hàng V.

2. Xử chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C1 và Ngân hàng TMCP V (V).

Buộc ông Lại Văn B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần C1 nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số LD2305201107 ngày 21/02/2023 tạm tính đến 21/7/2026 là 126.471.110 đồng *(một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm mười đồng)* (trong đó nợ gốc 71.193.090 đồng, nợ lãi 55.278.020 đồng). Ông Lại Văn B tiếp tục phải trả lãi và lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Nguyễn Thị D2 thanh toán khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LD2305201107 ngày 21/02/2023.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lại Văn B phải nộp là 15.160.937 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

- Bà Nguyễn Thị D2 phải nộp là 8.837.382 (tám triệu tám trăm trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi hai đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần C1 và Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003443 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 36 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + VKSND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng